

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1154/SGDĐT-VP
V/v hướng dẫn báo cáo tổng kết
năm học 2019 - 2020

Quảng Trị, ngày 01 tháng 7 năm 2020

Kính gửi:

- Các phòng GD&ĐT huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Trung tâm GDNN - GDTX huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Chỉ thị số 2268/CT-BGDĐT ngày 08/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ và giải pháp năm học 2019 - 2020 của ngành Giáo dục, Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2019 - 2020 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 9, khoản 10 và khoản 12 Điều 1 Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2019 - 2020 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên và các văn bản của Sở GD&ĐT hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2019 - 2020, Sở GD&ĐT hướng dẫn các đơn vị báo cáo tổng kết năm học 2019 - 2020, cụ thể như sau:

1. Các đơn vị, trường học tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2019 - 2020 (theo đề cương kèm theo Công văn này) và thống kê số liệu theo mẫu 03, 04 và 05 gửi kèm.

2. Yêu cầu báo cáo

a) Căn cứ các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2019 - 2020 của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh và Sở GD&ĐT (*Chỉ thị số 2268/CT-BGDĐT ngày 08/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ và giải pháp năm học 2019 - 2020 của ngành Giáo dục; Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 26/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 1352/KH-SGDĐT ngày 28/8/2019 của Sở GD&ĐT về thực hiện Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị về nhiệm vụ năm học 2019 - 2020 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về nhiệm vụ năm học khác của Sở*); các văn bản chỉ đạo của địa phương và tình hình thực tế của đơn vị trong năm học, các đơn vị viết ngắn gọn, đủ thông tin, đánh giá kết quả nổi bật đạt được và chỉ ra các mặt hạn chế, có số liệu phân tích và so sánh với cùng kỳ năm học trước (nêu số liệu có tính chất phân tích, nhận định và so sánh).

* **Yêu cầu:** Thống kê số liệu đầy đủ, chính xác, đúng thời điểm yêu cầu báo cáo. Riêng biểu thống kê học sinh bỏ học, tính từ ngày 05/9/2019 đến kết

thức năm học 2019 - 2020. Lưu ý số học sinh đã trúng tuyển trong kỳ tuyển sinh năm học 2019 - 2020 nhưng không nhập học và học sinh phổ thông bỏ học khi chuyển sang học nghề, kể cả học sinh được tuyển thẳng vào làm việc sau khi học nghề 3 tháng thì không được tính là học sinh bỏ học; chú ý thống kê số lượng học sinh bỏ học nhưng đã được vận động đi học trở lại trong năm học.

b) Phần nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm thời gian tới, các đơn vị nêu những định hướng lớn và những đầu việc quan trọng của đơn vị dự kiến triển khai thực hiện trong thời gian hè 2020 và công tác chuẩn bị cho năm học mới 2020 – 2021; đề xuất chọn chủ đề năm học 2020 - 2021 của Ngành.

c) Các đơn vị tập trung chỉ rõ những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, đồng thời đề xuất, kiến nghị những giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và những giải pháp trọng tâm mà ngành cần tập trung chỉ đạo trong thời gian tới.

3. Thời gian và phương thức nộp báo cáo tổng kết năm học

Các phòng GD&ĐT, đơn vị trực thuộc Sở, trung tâm GDNN-GDTX gửi báo cáo tổng kết (bản ký số) qua địa chỉ email Văn phòng Sở GD&ĐT (vanphongsgd@quangtri.gov.vn), **chậm nhất ngày 15/7/2020**, đồng thời nhập trực tuyến các biểu thống kê số liệu (mẫu 03, 04 và 05) theo hướng dẫn của Văn phòng Sở, **hoàn thành chậm nhất ngày 15/7/2020**.

Yêu cầu thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các huyện, TX, TP (để biết);
- Ban Giám đốc Sở;
- CDGD tỉnh;
- Thống kê ngành;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hương

ĐỀ CƯƠNG (GỢI Ý)
BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2019 - 2020
CỦA KHỐI PHÒNG GD&ĐT HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Khái quát về bối cảnh triển khai nhiệm vụ năm học 2019 – 2020, nêu những thuận lợi và khó khăn)

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020

Các đơn vị tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ trong năm học 2019-2020, lưu ý đánh giá những kết quả nổi bật, ngắn gọn – lựa chọn từ 3-5 kết quả nổi bật; tăng cường số liệu minh chứng; phân tích ngắn gọn tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

1. Công tác tham mưu, phối hợp, chỉ đạo

a) Kết quả đạt được *(Chỉ rõ các việc Phòng đã tham mưu cho Huyện ủy, HĐND, UBND huyện)*

b) Tồn tại, hạn chế

2. Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại, hạn chế

3. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật, thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học; các hoạt động xã hội, từ thiện

a) Kết quả đạt được *(Lưu ý: Những cách làm hiệu quả thực hiện Chủ đề năm học 2019-2020)*

b) Tồn tại, hạn chế

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

a) Kết quả đạt được *(nêu số liệu cụ thể về tuyển dụng, sắp xếp, luân chuyển CBQL, giáo viên; công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ; tinh giản biên chế; đánh giá xếp loại đội ngũ; bố trí CBQL... và việc chuẩn bị đội ngũ để thực hiện CT GDPT 2018; việc nâng cao trách nhiệm, đạo đức nhà giáo theo Chủ đề năm học...)*

b) Tồn tại, hạn chế

5. Công tác kiểm tra, khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại, hạn chế

6. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại, hạn chế

7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

8. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

9. Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

10. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo; công tác xã hội hóa giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

(Tập trung đánh giá công tác chuẩn bị về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới; nêu số liệu cụ thể về xóa phòng học tạm, xây mới cơ vật chất, tổng nguồn vốn đầu tư; công tác xã hội hóa giáo dục...)

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

11. Công tác huy động học sinh đến trường, duy trì kết quả phổ cập giáo dục - xóa mù chữ và các hoạt động xây dựng xã hội học tập

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

12. Công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông

a) Kết quả đạt được *(Nêu một số mô hình phân luồng, hướng nghiệp tiêu biểu)*

- b) Tồn tại, hạn chế

13. Công tác cải cách hành chính, thi đua khen thưởng và công tác truyền thông trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

14. Công tác chuẩn bị triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới

- a) Kết quả đạt được
- b) Khó khăn, hạn chế

15. Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và những tác động của đại dịch Covid-19 đối với ngành Giáo dục và Đào tạo

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

16. Công tác Đảng, Đoàn, Đội, Công đoàn trong trường học

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

17. Kết quả thực hiện chuyên môn ở các cấp học, ngành học

- a) *Giáo dục mầm non*
- b) *Giáo dục tiểu học*
- c) *Giáo dục trung học*
- d) *Giáo dục thường xuyên*

II. Đánh giá chung**1. Ưu điểm****2. Tồn tại, hạn chế****III. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian hè 2020 và công tác chuẩn bị cho năm học mới 2020 – 2021****1. Nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian hè 2020****2. Công tác chuẩn bị cho năm học mới 2020 – 2021****IV. Đề xuất, kiến nghị** (*Lưu ý đề xuất chọn chủ đề năm học 2020-2021 của toàn Ngành*)**1. Bộ GD&ĐT****2. UBND tỉnh****3. Sở GD&ĐT**

3.1. Nhận xét công tác lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo Sở GD&ĐT, các phòng chức năng Sở GD&ĐT (*nêu rõ tên phòng chức năng*) trong năm học 2019 – 2020 (*góp ý những việc làm được, chưa làm được*).

3.2. Kiến nghị, đề xuất (*đối với Sở GD&ĐT, 3 nhóm vấn đề*)

- Kiến nghị, đề xuất để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị và của ngành.

- Đề xuất chọn chủ đề năm học 2020-2021 của ngành GD&ĐT Quảng Trị.

- Đề xuất những giải pháp trọng tâm mà ngành cần tập trung chỉ đạo trong thời gian tới.

ĐỀ CƯƠNG (GỢI Ý)
BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2019 - 2020
CỦA KHỐI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, TRUNG TÂM GDNN-GDTX

(Khái quát về bối cảnh triển khai nhiệm vụ năm học 2019 – 2020, nêu những thuận lợi và khó khăn)

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020

Các đơn vị tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020, lưu ý đánh giá những kết quả nổi bật, ngắn gọn – lựa chọn từ 3-5 kết quả nổi bật; tăng cường số liệu minh chứng; phân tích ngắn gọn tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

1. Công tác tham mưu, phối hợp, chỉ đạo

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

2. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật, thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học; các hoạt động xã hội, từ thiện

- a) Kết quả đạt được (*Lưu ý: Những cách làm hiệu quả thực hiện Chủ đề năm học 2019-2020*)
- b) Tồn tại, hạn chế

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- a) Kết quả đạt được (*Tập trung đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ; đánh giá xếp loại; việc nâng cao trách nhiệm, đạo đức nhà giáo theo Chủ đề năm học...*)
- b) Tồn tại, hạn chế

4. Công tác kiểm tra, khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

5. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

7. Đổi mới công tác quản lý giáo dục

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

8. Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

9. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo; công tác xã hội hóa giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

10. Công tác huy động học sinh đến trường, phổ cập giáo dục - xóa mù chữ và các hoạt động xây dựng xã hội học tập

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

11. Công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

12. Công tác cải cách hành chính, thi đua khen thưởng và công tác truyền thông trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

13. Công tác chuẩn bị triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới

- a) Kết quả đạt được
- b) Khó khăn, hạn chế

14. Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và những tác động của đại dịch Covid-19 đối với đơn vị

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

15. Công tác Đảng, Đoàn, Đội (*Ghi chú: Công tác Đội đối với đơn vị có cấp THCS*), Công đoàn trong trường học

- a) Kết quả đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

16. Kết quả thực hiện chuyên môn

II. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế

III. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian hè 2020 và công tác chuẩn bị cho năm học mới 2020 – 2021

1. Nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian hè 2020**2. Công tác chuẩn bị cho năm học mới 2020 – 2021**

IV. Đề xuất, kiến nghị (*Lưu ý đề xuất chọn chủ đề năm học 2020-2021 của toàn Ngành*)

1. Bộ GD&ĐT**2. UBND tỉnh****3. Sở GD&ĐT**

3.1. Nhận xét công tác lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo Sở GD&ĐT, các phòng chức năng Sở GD&ĐT (*nêu rõ tên phòng chức năng*) trong năm học 2019 – 2020 (*góp ý những việc làm được, chưa làm được*).

3.2. Kiến nghị, đề xuất (*đối với Sở GD&ĐT, 3 nhóm vấn đề*)

- Kiến nghị, đề xuất để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị và của ngành.

- Đề xuất chọn chủ đề năm học 2020-2021 của ngành GD&ĐT Quảng Trị.

- Đề xuất những giải pháp trọng tâm mà ngành cần tập trung chỉ đạo trong thời gian tới.

Mẫu 03**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU NĂM HỌC 2019 - 2020**

(Áp dụng đối với các phòng GD&ĐT, đơn vị trực thuộc Sở và trung tâm GDNN-GDTX huyện, thị xã, thành phố)

Lưu ý:

- Thống kê số liệu tính từ đầu năm học đến thời điểm 15/7/2020.
- Số liệu cung cấp phải đầy đủ, cụ thể, đảm bảo tính chính xác, làm căn cứ để Ngành báo cáo cấp trên.

TT	Nội dung	Thông tin - Số liệu	Ghi chú
1.	Số lượng GV được tinh giản biên chế trong năm học		
2.	Số GV bị xử lý kỷ luật trong năm học	(Số lượng; mức kỷ luật...)	
3.	Số HS bị xử lý kỷ luật, HS vi phạm pháp luật bị xử lý trong năm học	(Số lượng; hình thức...)	
4.	Nhóm “Nhà giáo cùng nhau phát triển”	(Có bao nhiêu nhóm “Nhà giáo cùng nhau phát triển” đang hoạt động)	
5.	Đã đầu tư xây mới bao nhiêu phòng học (trong hè 2019 và trong năm học)	(Số lượng phòng xây mới; nguồn đầu tư; tổng kinh phí đầu tư)	
6.	Sửa chữa, xây dựng các công trình khác (Nhà công vụ GV; nhà đa năng; bể bơi; tường rào...) trong thời gian hè 2019 và trong năm học	(Ghi rõ tên công trình; số lượng; nguồn đầu tư; tổng kinh phí đầu tư...)	
7.	Mua sắm thiết bị dạy học trong thời gian hè 2019 và trong năm học	(Loại thiết bị; nguồn đầu tư; tổng kinh phí mua sắm...)	
8.	Tổng kinh phí hỗ trợ hoạt động HS nghiên cứu khoa học trong năm học		
9.	Mở rộng diện tích trường học trong năm học	(Bổ sung bao nhiêu diện tích; số trường được mở rộng diện tích...)	
10.	Thiếu phòng học	(Thiếu bao nhiêu phòng học)	
11.	Thiếu phòng thực hành, phòng bộ môn	(Thiếu bao nhiêu phòng)	
12.	Thiếu nhà công vụ GV	(Thiếu bao nhiêu phòng ở công vụ GV)	
13.	Số phòng học mượn	(Có bao nhiêu phòng học mượn; mượn của ai)	

14.	Số phòng học tạm	(Có bao nhiêu phòng học tạm)	
15.	Công tác kiểm tra	(Số lượng, hình thức...)	
16.	Số lượng đơn vị, cá nhân bị xử lý qua kiểm tra	(Số lượng, hình thức...)	
17.	Số lớp tập huấn, bồi dưỡng CBQL và GV do đơn vị triển khai trong hè 2019 và trong năm học	(Tổng số lớp; số lượng tham gia)	
18.	Số tài khoản “Trường học kết nối” đã cấp cho HS (đến thời điểm thống kê)	(Số lượng; cấp học)	
19.	Số tài khoản “Trường học kết nối” đã cấp cho GV (đến thời điểm thống kê)	(Số lượng; cấp học)	
20.	Số chuyên đề đã thực hiện trên “Trường học kết nối” trong năm học		
21.	Hoạt động trải nghiệm	(Thống kê số giờ học trải nghiệm do nhà trường tổ chức ngoài lớp học; số lớp, số HS tham gia; môn...)	<i>Không thống kê các hoạt động tham quan, du lịch, dã ngoại vào mục này</i>
22.	Dạy học liên môn, tích hợp	(Số chủ đề liên môn đã được GV bộ môn phối hợp thực hiện trong năm học)	
23.	Giáo dục kỹ năng sống	(Liệt kê số buổi đã tổ chức, hình thức tổ chức và số lượng HS tham gia)	
24.	Công tác giáo dục đạo đức, lối sống	(Số buổi đã tổ chức, hình thức tổ chức và số lượng HS tham gia; nêu hoạt động nổi bật triển khai thực hiện chủ đề năm học)	
25.	Xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong trường học	Đã xây dựng hoặc chưa xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong trường học. Đối với khối phòng GD&ĐT thống kê bao nhiêu trường đã xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong trường học	
26.	Xây dựng Quy chế làm việc của đơn vị	Đã xây dựng hoặc chưa xây dựng Quy chế làm việc. Đối với khối phòng GD&ĐT thống kê bao nhiêu trường đã xây dựng Quy chế làm việc	
27.	Hoạt động câu lạc bộ học thuật của HS	(Số lượng, nội dung, hình thức hoạt động, kết quả)	
28.	Hoạt động câu lạc bộ năng khiếu - TDTT của HS	(Số lượng, nội dung, hình thức hoạt động, kết quả)	

29.	Hoạt động câu lạc bộ HS về NCKH	(Số lượng, nội dung, hình thức hoạt động, kết quả)	
30.	Số lượng HS đã biết bơi	(Thông kê từ cấp TH trở lên)	
31.	Số trường dạy học 2 buổi/ngày	Số trường; tỷ lệ	
32.	Số trường bán trú		
33.	Số trường chưa có trang web, công thông tin điện tử hoạt động		
34.	Tổng số máy tính được kết nối mạng internet		
35.	Số trường thực hiện sổ điểm điện tử		
36.	Đã sử dụng ngân hàng đề để ra đề kiểm tra	Đã sử dụng ngân hàng đề để ra đề kiểm tra hoặc chưa thực hiện. Đối với khối phòng GD&ĐT thống kê bao nhiêu trường đã sử dụng ngân hàng đề để ra đề kiểm tra	
37.	Tổng số tiết dạy học qua internet đã triển khai trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19 (<i>dạy chính khóa</i>)	- Đối với các đơn vị trực thuộc Sở và trung tâm: Thống kê tổng hợp 1 số liệu chung toàn trường - Đối với phòng GD&ĐT thống kê theo từng cấp học	
38.	Tổng số tiết dạy học qua internet đã triển khai trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19 (<i>dạy bổ trợ</i>)	- Đối với các đơn vị trực thuộc Sở và trung tâm: Thống kê tổng hợp 1 số liệu chung toàn trường - Đối với phòng GD&ĐT thống kê theo từng cấp học	
39.	Tổng số tiết đã tổ chức cho HS học tập trên truyền hình (<i>dạy học chính khóa</i>)	- Đối với các đơn vị trực thuộc Sở và trung tâm: Thống kê tổng hợp 1 số liệu chung toàn trường - Đối với phòng GD&ĐT thống kê theo từng cấp học	
40.	Tổng số tiết đã tổ chức cho HS học tập trên truyền hình (<i>dạy bổ trợ</i>)	- Đối với các đơn vị trực thuộc Sở và trung tâm: Thống kê tổng hợp 1 số liệu chung toàn trường - Đối với phòng GD&ĐT thống kê theo từng cấp học	
41.	Số lượng HS đã tham gia các lớp do nhà trường tổ chức dạy học qua internet trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19 trên tổng số học sinh của đơn vị	- Ví dụ: 865/1.242 học sinh - Đối với phòng GD&ĐT thống kê theo từng cấp học. Ví dụ: + Cấp tiểu học: 3.200/3.876 HS; + Cấp THCS: 3.445/3.988 HS.	
42.	Số lượng HS đã tham gia các lớp do nhà trường tổ chức dạy học trên truyền hình trong thời gian phòng, chống dịch Covid-	- Ví dụ: 655/1.242 học sinh - Đối với phòng GD&ĐT thống kê theo từng cấp học. Ví dụ: + Cấp tiểu học: 250/3.876 HS;	

	19 trên tổng số học sinh của đơn vị	+ Cấp THCS: 645/3.988 HS.	
--	-------------------------------------	---------------------------	--

